

CÔNG TY TNHH TM & SX BAO BÌ HÒA AN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM & SX BAO BÌ HÒA AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOA AN PACKAGING TM & SX
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HOA AN PACKAGING CO LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108720162

3. Ngày thành lập: 02/05/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 10, Ngách 51, Ngõ 2, Đường Xuân Đình, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ
Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977 164 295

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
2.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
3.	Sản xuất chè	1076
4.	Sản xuất cà phê	1077
5.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
6.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
7.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
8.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
9.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
10.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
11.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
12.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
13.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
14.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
15.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
16.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
17.	Đúc sắt, thép	2431
18.	Đúc kim loại màu	2432
19.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
20.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512

21.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
22.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
23.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
24.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
25.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
26.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
27.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
28.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
29.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
30.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
31.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
32.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
33.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
34.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
35.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
36.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
37.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
38.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
39.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
40.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
41.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
42.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
43.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
44.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
45.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
46.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
47.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
48.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
49.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
50.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
51.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
52.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
53.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
54.	Thu gom rác thải không độc hại	3811

55.	Thu gom rác thải độc hại	3812
56.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
57.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
58.	Tái chế phế liệu	3830
59.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
60.	Xây dựng nhà để ở	4101
61.	Xây dựng nhà không để ở	4102
62.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
63.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
64.	Xây dựng công trình điện	4221
65.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
66.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
67.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
68.	Xây dựng công trình thủy	4291
69.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
70.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
71.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
72.	Phá dỡ	4311
73.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
74.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
75.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
76.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
77.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
78.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
79.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
80.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
81.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý môi giới	4610
82.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
83.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
84.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
85.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
86.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
87.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
88.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
89.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
90.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

91.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
92.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
93.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
94.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
95.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
96.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
97.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
98.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
99.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
100.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
101.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
102.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
103.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
104.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
105.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
106.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
107.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
108.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
109.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
110.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
111.	Vận tải đường ống	4940
112.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
113.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
114.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
115.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
116.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
117.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
118.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
119.	Bốc xếp hàng hóa	5224
120.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

121.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
122.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
123.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
124.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
125.	Cho thuê xe có động cơ	7710
126.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
127.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
128.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
129.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
130.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
131.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
132.	Đại lý du lịch	7911
133.	Điều hành tua du lịch	7912
134.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
135.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010
136.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
137.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
138.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
139.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
140.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
141.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
142.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
143.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
144.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
145.	Dịch vụ đóng gói	8292
146.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
147.	In ấn (Trừ những loại Nhà nước cấm)	1811(Chính)
148.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
149.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
150.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
151.	Sao chép bản ghi các loại	1820
152.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
153.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
154.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

155.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
156.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
157.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
158.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
159.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
160.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
161.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
162.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
163.	Sản xuất đường	1072

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	PHẠM THỊ PHƯƠNG HÀ	Số 5B, ngõ 227, đường Âu Cơ, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100.000.000,000	10,000	001181008569	
2	NGUYỄN ĐỨC VĂN	Thôn Nội, Xã Đồng Du, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	900.000.000,000	90,000	035078002635	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC VĂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/12/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 035078002635

Ngày cấp: 08/03/2019

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Nội, Xã Đồng Du, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Nội, Xã Đồng Du, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội